

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hồ Thị Kim Luyến

2/ Bà Trần Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân – Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 621/2019/TLST-HN ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 884/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị B, sinh năm 1977

Địa chỉ: 54/13 khu vực A, đường H, phường T, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông Trần Ngọc G, sinh năm 1968

Địa chỉ: 18 L, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: số 72 T, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H

Địa chỉ: số 01 P, TT Đ, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2020 và bản tự khai nguyên đơn – bà Dương Thị B - trình bày:

Bà và ông Trần Ngọc G tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01 ngày 31/7/2002. Trong thời gian chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân nhiều năm nay. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm sóc cho con nhưng không đạt kết quả. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Bà và ông G có 02 con chung tên Trần Dương Đ (nam) sinh ngày 10/5/2004, Trần Dương L (nam) sinh ngày 03/7/2007. Sau khi ly hôn bà đồng ý để ông G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 chung, bà vẫn sống cùng các con và có trách nhiệm chăm sóc các con.

Tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông bà không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Ngọc G trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà B về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung. Ông xác định trong cuộc sống vợ chồng ông bà hàng ngày cũng có những mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Ông vẫn còn thương vợ, muốn các con có một gia đình trọn vẹn để học hành và phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần nên ông không đồng ý ly hôn. Nếu bà B kiên quyết ly hôn thì ông muốn để thời gian khoảng vài năm nữa cho các con trưởng thành. Trường hợp bà B vẫn yêu cầu ly hôn và yêu cầu của bà B được chấp nhận thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Ông bà sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: trước đây do cần vốn làm ăn nên ông có vay của Ngân hàng TMCP A – CN Cần Thơ số tiền 200.000.000đồng và thế chấp tài sản là nhà đất tại số 232/3 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Hiện tại số tiền còn nợ khoảng 124.000.000đồng. Ông nhận trách nhiệm trả số nợ này.

Ngân hàng TMCPA có đơn đề ngày 22/6/2020 trình bày:

Vào ngày 31/3/2014, Ngân hàng TMCPA ký hợp đồng tín dụng số 1003-LAV-201400519 với ông Trần Ngọc G cho vay số tiền 200.000.000đồng, thời hạn 180 tháng. Do ông G và bà B giải quyết tranh chấp tài sản trong vụ ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu ông G và bà B thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán phần gốc lãi còn lại, gốc tính đến ngày 19/6/2020 là 117.712.000đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà B và ông G vẫn giữ nguyên ý kiến về quan hệ hôn nhân, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Ông G nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCPA. Bà B cũng đồng ý có trách nhiệm cùng ông G trả nợ cho Ngân hàng nếu ông G không trả hoặc Ngân hàng TMCPA không đồng ý về việc trách nhiệm trả nợ là của riêng ông G. Ngân hàng TMCPA được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt.

Do các đương sự không thống nhất với nhau để giải quyết toàn bộ vụ kiện nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Bà Dương Thị B giữ nguyên yêu cầu ly hôn, đồng ý giao 02 con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Đối với số tiền nợ Ngân hàng TMCPA thì hiện tại phía ngân hàng đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký giữa các bên, nếu có tranh chấp thì giải quyết sau.

Ông Trần Ngọc G và đại diện Ngân hàng TMCPA vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục luật định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt giấy triệu tập của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Bà Dương Thị B và ông Trần Ngọc G chung sống có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có mâu thuẫn nên bà B yêu cầu ly hôn, đồng ý giao 02 con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Qua trình bày của các bên cho thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông G đã thực sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B và giao 02 con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Bà B và ông G không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

Về nợ chung: Ngân hàng TMCPA có đơn yêu cầu bà B và ông G trả nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên nhưng không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí nên không xem xét. Ngân hàng TMCPA có quyền khởi kiện bà B, ông G thành vụ kiện khác để được xem xét, giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Dương Thị B và ông Trần Ngọc G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01 ngày 31/7/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà Dương Thị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Ngọc G nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Ngọc G và Ngân hàng TMCPA được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông G và Ngân hàng TMCPA.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B và lời trình bày của ông Trần Ngọc G:

Theo bà Dương Thị B trình bày thì trong quá trình chung sống giữa bà và ông Trần Ngọc G phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến đời sống vợ chồng không được hạnh phúc và đã sống ly thân nhiều năm nay. Mặc dù

bà đã tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên bà xin ly hôn với ông G. Ông G cũng xác định giữa ông bà có những mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, ông bà sống ly thân khoảng 6 năm nay chứ không phải 13 năm như bà B trình bày. Ông không phải là người có lỗi, người có lỗi là bà B nên ông không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng cả bà B và ông G đều xác định vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài. Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý vụ kiện đến nay thời gian cũng tương đối dài nhưng bà B và ông G cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà B vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa bà B và ông G mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà B là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà B và ông G khai thống nhất có 02 con tên Trần Dương Đ(nam) sinh ngày 10/5/2004, Trần Dương L (nam) sinh ngày 03/7/2007. Ông G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Bà B cũng thống nhất với ý kiến của ông G. Cháu Lộc và cháu Đại trình bày các cháu đều thương cha và mẹ, không biết theo ai nên tùy cha mẹ quyết định. Do đó, giao 02 con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục theo thỏa thuận của bà B và ông G cũng không trái với nguyện vọng của 02 cháu. Ông G không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của ông G nên ghi nhận. Việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B và ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Theo trình bày của bà B, ông G và Ngân hàng TMCPA thì ông G và bà B có ký hợp đồng tín dụng số 1003-LAV-201400519 ngày 31/3/2014 vay của Ngân hàng TMCPA số tiền 200.000.000đồng. Ngân hàng yêu cầu ông G và bà B trả số tiền nợ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng do bà B và ông G tranh chấp về tài sản khi ly hôn. Tòa án đã ra thông báo cho Ngân hàng TMCPA nộp tiền tạm ứng án phí để được xem xét yêu cầu này khi Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn giữa bà B và ông G nhưng phía Ngân hàng không nộp mà không có lý do. Mặt khác, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông G và bà B có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 232/3 đường K, phường H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nhưng bà B và ông G không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đơn yêu cầu của Ngân hàng TMCPA. Ngân hàng TMCPA có quyền khởi kiện bà B và ông G thành vụ kiện khác để được xem xét, giải quyết theo quy định khi có yêu cầu.

[3] Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều về việc tuân theo pháp luật tố tụng và hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị B.
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị B được ly hôn với ông Trần Ngọc G.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Dương Đ(nam) sinh ngày 10/5/2004 và Trần Dương L (nam) sinh ngày 03/7/2007 cho ông Trần Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông G không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét.
- Về nợ chung: Không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Dương Thị B phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), cân trừ vào 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu số 001712 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thì bà B đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDQNK;
- CCTHADSQNK;
- UBND P, A,
Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Mai